

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 01 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH THUẬN	
ĐẾN	Số: 731
	Ngày: 21/01
Chuyển:	XDVB
Lưu hồ sơ:	

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 02/TTr-BDT ngày 14 tháng 01 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 77/BC-STP ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng hỗ trợ:

Trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020. Trường hợp Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30% mức đóng học phí cho trẻ em học mẫu giáo (trừ trẻ em học mẫu giáo 5 tuổi), học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định này.

b) Hỗ trợ chi phí học tập 80.000 đồng/học sinh/tháng cho các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định này để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Thời gian thực hiện

a) Năm học 2018 – 2019: từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/5/2019.

b) Từ năm học 2019 – 2020 đến hết năm học 2020-2021.

Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

Điều 3. Phương thức hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập

1. Phương thức hỗ trợ học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập

Kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, được ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho người học thuộc đối tượng được hỗ trợ học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

Khi rút dự toán kinh phí hỗ trợ học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập phải gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị hỗ trợ tiền học phí (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được hỗ trợ học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức hỗ trợ học phí và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp).

Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ tiền học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả, quyết toán với Phòng Giáo dục và Đào tạo;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh (hoặc học sinh) trung học phổ thông, học viên học ở các trung tâm giáo dục thường xuyên và học sinh học tại các cơ sở giáo dục khác do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả, quyết toán với Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4;

d) Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh chưa nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

3. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ học phí và chi phí học tập đối với đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học

mẫu giáo, học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh trung học phổ thông hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả;

c) Kinh phí cấp hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng (đối với học sinh mầm non và phổ thông vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4;

d) Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành liên quan kiểm tra tình hình thực hiện chính sách tại địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách đến Ủy ban nhân dân các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện và Ủy ban nhân dân các xã.

b) Tổng hợp danh sách đối tượng thực hiện chính sách từ các trường Trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, lập dự toán gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện (*Biểu mẫu số 4,5*).

c) Định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện thực hiện chính sách theo Quyết định này theo đúng qui định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan báo chí địa phương; hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền rộng rãi đến với người dân về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các nội dung chính sách được phê duyệt tại Quyết định này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng; phối hợp với các ngành giám sát thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại địa phương.

7. Ủy ban nhân dân các huyện

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã phối hợp các trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn rà soát đối tượng thụ hưởng đảm bảo công khai, dân chủ; lập danh sách gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp (Biểu mẫu số 1).

b) Căn cứ mức hỗ trợ và số lượng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí lập dự toán kinh phí gửi về Sở Tài chính tổng hợp (Biểu mẫu số 2, 3).

c) Tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến với người dân chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 09 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế (Ủy ban Dân tộc);
- Vụ Pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- CT, PCT UBND tỉnh Lê Văn Bình;
- TT. HĐND các huyện;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (HXN), KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Bình

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện....
Trường

**BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH HỌC SINH THUỘC DIỆN
HỘ CẬN NGHÈO KHU VỰC ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Biểu số 1

TT	Họ và tên	Số sổ hộ cận nghèo	Dân tộc	Thường trú	Kinh phí		
					Hỗ trợ 30% học phí (đồng)	Hỗ trợ chi phí học tập (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Nguyễn Văn A						
...							

UBND huyện.....

**BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH HỌC SINH THUỘC DIỆN
HỘ CẬN NGHÈO KHU VỰC ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Biểu số 2

TT	Họ và tên	Số số hộ cận nghèo	Dân tộc	Thường trú	Tên trường	Kinh phí		
						Hỗ trợ 30% học phí (đồng)	Hỗ trợ chi phí học tập (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
I	Mẫu giáo							
1	Nguyễn Văn A							
...								
II	Tiểu học							
1	Trần Thị B							
...								
III	Trung học cơ sở							
1	Nguyễn Văn C							
..								

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường THPT...

**BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THUỘC DIỆN HỘ CẬN NGHÈO KHU VỰC ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Biểu số 4

TT	Họ và tên	Số sổ hộ cận nghèo	Dân tộc	Thường trú	Kinh phí		
					Hỗ trợ 30% học phí (đồng)	Hỗ trợ chi phí học tập (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Nguyễn Văn A						
...							

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
ĐẶC THÙ HỖ TRỢ 30% HỌC PHÍ VÀ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO
HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THUỘC DIỆN HỘ CẬN NGHÈO
KHU VỰC ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Biểu số 5

TT	Tên trường	Tổng số học sinh hỗ trợ	Kinh phí			Ghi chú
			Hỗ trợ 30% học phí (đồng)	Hỗ trợ chi phí học tập (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
1	Trường ...					

